TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-PT
Ngày 26/10/2018
"*V/v tranh chấp lối đi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng, Ông Đỗ Đồng Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TL-DSPT ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp lối đi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn T – có mặt; ông Huỳnh Công T – có mặt; bà Trần Thị H và bà Trần Thị P – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N – có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Thanh N; chị Võ Thị N; chị Võ Thị Thu Ng; bà Võ Thị Thu V; bà Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Thị Mỹ D – đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của Ông Nguyễn T; ông Huỳnh Công T; bà Trần Thị H; bà Trần Thị P – Là nguyên đơn trong vụ án và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, các nguyên đơn trình bày*:** Trước năm 1993 tại thôn Quảng L (nay là thôn Q), xã Đ, huyện Đ đã hình thành con đường đất rộng khoảng 5m đến 10m. Trong quá trình sinh

sống ở tại đây các hộ dân vẫn đi lại trên con đường này. Đến tháng 3 năm 2013 hộ bà N, ông N xây tường rào đã lấn chiếm diện tích con đường đi chỉ còn chiều ngang khoảng 0,7m. Ông T và một số hộ dân đến nhà ông N thương lượng để gia đình ông N trừ lại con đường cho bà con đi lại nhưng gia đình ông N cho rằng đất của gia đình được Nhà nước công nhận thì có quyền sử dụng. Sau đó các hộ dân kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết hòa giải nhưng không thành. Năm 2013 Ủy ban nhân xã Đ có giấy đình chỉ xây dựng nhà đối với gia đình ông N và sau đó ông N, bà N xây tường rào của gia đình ông, hộ ông T và các hộ dân đến Ủy ban nhân dân xã Đ trình báo nhưng được trả lời khi gia đình ông N xây nhà đã có giấy đình chỉ xây dựng, nay ông N xây dựng hàng rào sau này sai gia đình ông N chịu.

Trước khi xây dựng nhà văn hóa có tổ chức họp dân, ông T không tham gia họp nhưng có đóng góp tiền 400.000 đồng để xây dựng nhà văn hóa thôn Q. Việc xây dựng nhà văn hóa nằm trên vị trí nào ở đâu ông T không biết. Khi thôn khởi công xây dựng nhà văn hóa ông T có biết và ông T có ý kiến kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã Đ về việc xây dựng nhà văn hóa thôn Q nằm trên con đường làm hẹp con đường đi lại của các hộ dân.

Ông T và các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông N, bà N phải tháo dỡ công trình xây dựng tường rào, trả lại diện tích đất lấn chiếm con đường đất theo tình trạng ban đầu tại thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Khi gia đình ông, bà chuyển đến thôn Q, xã Đ sinh sống thì phía bên hông đất nhà ông, bà đã có con đường mòn rộng khoảng 3m, các hộ dân ở đây đều đi lại trên con đường này, nhưng về sau do mưa xói mòn và cỏ mọc nên ít người đi lại. Năm 2006 hộ ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích là 450 m^2 tại thửa số 67c, tờ bản đồ số 24 đo đạc năm 1999, đất có hình tam giác, tọa lạc tại thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến năm 2012 hộ bà N, ông N xây nhà và tường rào lưới B40. Năm 2010 thôn Q họp dân và thống nhất làm nhà văn hóa của thôn tại vị trí con đường này và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ đồng ý cho tiến hành xây dựng nhà văn hóa thôn Q vào năm 2011, khi xây dựng có chừa lối đi giáp đất của gia đình của ông, bà đang sử dụng khoảng 01m như hiện nay. Ông N, bà N khẳng định không lấn chiếm đất đường đi nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Thanh N, chị Võ Thị N và chị Võ Thị Thu N đều khai diện tích đất 450m^2 thửa đất số 67c, tờ bản đồ số 24 tại thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là tài sản của cha mẹ là ông N, bà N không liên quan gì đến các con. Do đó ông N, bà N có quyền quyết định mọi nội dung liên quan đến vụ án. Nay các anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Võ Thị Thu V, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị Mỹ D đều thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Nguyễn T nên không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại Bản án số: 07/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105; Điều 107; Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P đối với ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N về yêu cầu trả lại con đường đi theo hiện trạng ban đầu tại thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/5/2018, ông Nguyễn T; ông Huỳnh Công T; bà Trần Thị H; bà Trần Thị P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án chấp chận đơn khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 31/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, sửa Bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất đường đi bị lấn chiếm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viên kiểm sát, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp trong thời hạn luật định.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nguồn gốc sử dụng diện

tích con đường đang tranh chấp: theo lời khai của các bên đương sự cũng như kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ đều khẳng định: thôn Q trước năm 1993 đã có một con đường rộng hơn 05m nối từ đường liên xã vào bãi gỗ của thôn Q. Đây là đường đi chung của các hộ ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị N và một số hộ dân khác. Khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong khu vực đều trừ lại con đường này và con đường này cũng được thể hiện trong Bản đồ giải thửa đo năm 1999.

Tại Biên bản họp thôn ngày 10/3/2010 (*Bút lục 114*) các hộ dân và chính quyền thôn Q, xã Đ thống nhất xây dựng nhà văn hóa của thôn tại vị trí đường đi của thôn và thống nhất chừa lối đi khoảng 01m đến 1,5m. Vấn đề này đã được Ủy ban nhân dân xã Đ chấp thuận và người dân trong thôn trong đó có các nguyên đơn và bị đơn cùng đóng góp tiền tiến hành xây dựng nhà văn hóa thôn Q vào năm 2011.

Xét về nguồn gốc sử dụng đất của bị đơn: Hộ ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006, thửa số 67c, tờ bản đồ số 24 đo đạc năm 1999, diện tích là 450m^2, thửa đất có hình tam giác có một cạnh giáp với con đường đang tranh chấp và hiện nay đã được ông, bà xây tường bằng gạch rào lưới B40.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu đo đạc lại diện tích tranh chấp. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và lồng ghép thể hiện: diện tích đất ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N đang sử dụng thực tế, có tứ cận:

+ Phía Đông Bắc giáp thửa đất của ông Trịnh Ngọc T dài: 1,07m + 29,56m = 30,63m;

+ Phía Tây Bắc giáp đường nhựa liên thôn dài: 12,91m + 9,69m = 22,6m;

+ Phía Nam giáp đường đất dài: 3,6m + 1,53m + 7,65m + 9,37m + 6,12m + 6,92m + 3,42m = 38,61m; Tổng diện tích là: 445m^2.

- Đo thực tế hiện trạng Hội trường thôn đang sử dụng có diện tích **69,5m^2** (*Có sơ đồ đo vẽ khu đất kèm theo*) có một cạnh giáp đường đất đang tranh chấp.

- Kết quả lồng ghép sơ đồ đo vẽ ngày 14/9/2018 trên bản đồ giải thửa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất đo đạc thực tế thì thấy:

+ Ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N sử dụng đất có một phần lấn sang con đường đang tranh chấp so với Giấy chứng nhận đã được cấp số AG 822168 ngày 23/8/2006 là: **32,5m^2** (gồm 05 cạnh: 1,53m + 7,65m + 9,37m + 0,69m + 16,92m) và diện tích: **1,44m^2** (gồm 03 cạnh: 0,69m + 6,12m + 6,80m), trên đất này), trên phần đất này gia đình ông N, bà N có xây hàng rào bằng gạch, rào lưới B40 và một phần nhà kho khi ông N, bà N xây dựng, chính quyền xã đã có thông báo yêu cầu đình chỉ thi công nhưng ông N, bà N vẫn xây dựng (*BL 124*).

+ Có phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận số AG 822168 ngày 23/8/2006 nhưng ông N, bà N không sử dụng cụ thể là **16,7m^2** (gồm 04 cạnh: 6,37m + 3,6m + 12,91m + 16,1m) và **16,9m^2** (gồm 04 cạnh: 13,97m + 4,72m + 3,42m + 6,92m).

[4].Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hộ ông N và bà N có sử dụng phần diện tích lấn sang con đường đang tranh chấp nhưng lại không buộc hộ ông N, bà N phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất và trả lại diện tích đất của con đường đi là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 107 của Luật đất đai năm 2003 quy định về nghĩa vụ chung của người sử đụng đất và Điều 265 của Bộ luật dân sự 2005 quy định nghĩa vụ tôn trọng ranh giới giữa các bất động sản.Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát sửa án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm con đường đi chung cho các hộ nêu trên.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P đã nộp tạm ứng. Ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về chi phí: Xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đất và định giá tài sản: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên cần buộc ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu toàn bộ số tiền của các đợt là 25.887.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*. Ông N và bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 25.887.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* mà ông T đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 265 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 107 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông.

Sửa bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P đối với ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N.

Buộc ông Võ N, bà Nguyễn Thị Thanh N phải tháo dỡ tài sản trên đất và trả lại diện tích đất lấn chiếm của lối đi theo sơ đồ đo vẽ ngày 14/9/2018 kèm theo là: **32,5m^2** (gồm 05 cạnh: 1,53m + 7,65m + 9,37m + 0,69m + 16,92m), trên phần đất này gia đình ông N, bà N có xây hàng rào bằng gạch ống, có rào lưới B40 và diện tích **1,44m^2** (gồm 04 cạnh: 0,69m+6,12m+ 0m + 6,8m), trên đất này

là mép nhà kho, nền xi măng khung bằng sắt, mái lợp tôn (*Đặc điểm thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/8/2018 và kết quả đo lồng ghép ngày 14/9/2018*).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc đất và định giá tài sản: Buộc ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu số tiền là 25.887.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*. Ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 25.887.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* mà ông Nguyễn T đã nộp tạm ứng.

Kể từ ngày ông Nguyễn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho ông T theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ N và bà Nguyễn Thị Thanh N mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Hoàn trả cho ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P mỗi người 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số: 006155; 006156; 006158 và 006159 cùng ngày 31 tháng 10 năm 2013 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn T, ông Huỳnh Công T, bà Trần Thị H, bà Trần Thị P mỗi người 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002362; 0002360; 0002359 và 0002361 ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử